

THÔNG BÁO

Báo cáo quyết toán kinh phí quý2 năm 2024

Đơn vị tính : đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
I	CÁC KHOẢN THU, CHI NGOÀI NGÂN SÁCH VÀ KHOẢN THU HỘ, CHI HỘ	1.108.686.000	100%
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Học phí (nếu có)		
1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
1.2	Mức thu		
1.3	Tổng số thu trong năm		
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾		
1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Bổ sung chi lương		
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất		
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn		
	- Chi khác		
1.7	Số dư cuối năm		
	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)		
1.8			
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) (Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	74.910.000	100%
2.1			
2.1.1	Số dư quý trước chuyển sang	11.640.600	
2.1.2	Mức thu		
2.1.3	Tổng số thu trong quý	74.910.000	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong quý	86.550.600	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	86.550.600	
2.1.6	Số chi trong quý	86.024.602	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	78.822.800	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo		
	- Chi phúc lợi		
	Chi khác điện nước	7.201.802	
2.1.7	Số dư cuối quý	525.998	
3	Thi chi cơ sở vật chất bán trú		100%

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
3.1			100%
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
3.1.2	Tổng số thu trong năm		
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾		
3.1.5	Số chi trong năm		
3.1.6	Trong đó: Chi cơ sở vật chất bán trú		
3.1.6	Số dư cuối năm		
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú.... (Nếu có: <i>Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</i>	0	
4.1.			
4.1.1	Số dư quý trước chuyển sang	30.600.000	
4.1.2	Mức thu		
4.1.3	Tổng số thu trong quý	0	
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong quý	0	
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	0	
4.1.6	Số chi trong quý	30.600.000	
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	12.000.000	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	13.740.000	
	- Chi phúc lợi		
	Nộp thuế	4.860.000	
4.1.7	Số dư cuối quý	0	
5a	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống	119.376.000	100%
5.1			
5.1.1	Số dư quý trước chuyển sang	11.966.400	
5.1.2	Mức thu		
5.1.3	Tổng số thu trong quý	119.376.000	
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong quý	131.342.400	
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	131.342.400	
5.1.6	Số chi trong quý	131.342.400	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....	95.500.800	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	11.937.600	
	- Chi phúc lợi	22.947.840	
	Chi nộp thuế	956.160	
5.1.7	Số dư cuối quý	0	
5b	Liên kết giáo dục: Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài	155.840.000	

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
5.1			
5.1.1	Số dư quý trước chuyển sang	14.683.200	
5.1.2	Mức thu		
5.1.3	Tổng số thu trong năm	155.840.000	
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	170.523.200	
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	170.523.200	
5.1.6	Số chi trong năm	170.523.200	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....	132.464.000	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	12.486.400	
	- Chi phúc lợi	24.320.160	
	Chi nộp thuế	1.252.640	
5.1.7	Số dư cuối năm	0	
6	Thu chi quỹ đội,, (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)		
6.1			
6.1.1	Số dư quý trước chuyển sang	21.815.000	
6.1.2	Mức thu		
6.1.3	Tổng thu		
6.1.4	Đã chi	21.815.000	
6.1.5	Dư	0	
7	Quản lý ngoài giờ ... (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây	496.560.000	100%
7.1			
7.1.1	Số dư quý trước chuyển sang	36.660.500	
7.1.2	Mức thu	200	
7.1.3	Tổng số thu trong quý	496.560.000	
7.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	533.220.500	
7.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	523.700.000	
7.1.6	Số chi trong quý	533.220.500	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....	372.420.000	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	89.380.800	
	- Chi phúc lợi	51.014.500	
	Chi nộp thuế	20.405.200	
7.1.7	Số dư cuối quý	0	
8	Nước uống học sinh... (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây	32.200.000	

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
8.1			
8.1.1	Số dư quý trước chuyển sang	32.200.000	
8.1.2	Mức thu		
8.1.3	Tổng số thu trong quý	0	
8.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong quý	32.200.000	
8.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	32.200.000	
8.1.6	Số chi trong quý	32.200.000	
	Chi cấp phát nước	4.000.000	
	Chi nước uống	28.200.000	
8.1.7	Số dư cuối quý	0	
9	Chăm sóc bán trú... (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng		100%
9.1			
9.1.1	Số dư quý trước chuyển sang	1.376.400	
9.1.2	Mức thu		
9.1.3	Tổng số thu trong quý	55.140.000	
9.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong quý	56.516.400	
9.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	56.516.400	
9.1.6	Số chi trong quý	56.516.400	
	Trong đó: - Chi công tác chăm ăn, chăm ngủ.	54.037.200	
	Chi phí nhân công phục vụ bếp ăn		
	Chi nộp thuế	2.479.200	
9.1.7	Số dư cuối năm	0	
10	Thu chi tiền xuất ăn... (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây	229.800.000	100%
10.1			
10.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
10.1.2	Mức thu	28	
10.1.3	Tổng số thu trong quý	229.800.000	
10.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong quý	229.800.000	
10.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	229.800.000	
10.1.6	Số chi trong quý	229.800.000	
	Trong đó: - Chi trả tiền xuất ăn	229.800.000	
10.1.7	Số dư cuối năm		
TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
1	Ngân sách nhà nước	7. 968.760.000	100%
1.1	Ngân sách chi thường xuyên	7. 968.760.000	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	3.622.000	
	- Dự toán được giao trong năm	7. 968.760.000	

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	7.968.760.000	
	Dự toán bổ sung trong quý	0	
	+ Kinh phí giảm trong năm	0	
	- Kinh phí thực nhận trong năm		
	- Kinh phí quyết toán	3.866.542.459	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc	4.102.217.820	
1.2	Ngân sách chi không thường xuyên		
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang		
	Dự toán được giao trong năm		
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm		
	+ Dự toán bổ sung trong năm	1.184.770.000	
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm	1.184.770.000	
	- Kinh phí quyết toán		
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc	0	
2	Tình hình thực hiện kiến nghị của cơ quan Kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính		
	Tổng số kinh phí phải nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí đã nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí còn phải nộp		
III	NỘI DUNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Nếu có: Chi tiết từng nguồn)		
1	Học phí		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
2	Học thêm		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ.....		



TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
3			
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
III	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG		
1	Mức thu nhập của CBQL		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)		
	Mức bình quân (đ/người/năm)		
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)		
2	Mức thu nhập của giáo viên		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)		
	Mức bình quân (đ/người/năm)		
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)		
IV	MỨC CHI CHO HỌC SINH		
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)		
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)		

Ngày 10 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI LẬP



Trần Thị Thu

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Ngô Thị Huyền